

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến;
2. Bà Lê Thị Thiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1474/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Thanh L, sinh năm 1978; trú tại: 35D6/8A, khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức L, sinh năm 1970; trú tại: 35D6/8A, khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Thanh L trình bày:

Chị L và anh L tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã T), tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/96 ngày 17/10/1996, quyển số 01. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó năm 1999 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L có quan hệ bất chính với người con gái khác, ghen tuông vô cớ, xúc phạm chửi đánh vợ con. Tháng 10/2016, chị L đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn, sau đó rút đơn để anh L có cơ hội sửa chữa. Nhưng từ đó tới nay anh L không chịu sửa

đôi, vẫn chửi bới xúc phạm đến gia đình chị L. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thị Lan A, sinh ngày 22/9/1997 và Hoàng Hải A, sinh ngày 08/8/2000.

Do con Hoàng Thị Lan A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Hoàng Hải A và không yêu cầu anh L đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Hải A.

Quá trình tố tụng anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa làm việc. Ngày 05/02/2018, anh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo đơn anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn nên đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh L yêu cầu được nuôi con Hoàng Hải A, sinh ngày 08/8/2000 và không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị L khởi kiện anh L yêu cầu được ly hôn, anh L hiện đang trú tại phường B, thị xã T, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con; Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị L và anh L tìm hiểu đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/1996 tại UBND xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã T), tỉnh B theo

giấy chứng nhận kết hôn số 48/96, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 1999, nguyên nhân do anh L không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hay chửi đánh vợ con. Năm 2016 chị L đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh L và sau đó rút đơn về để anh L có cơ hội sửa chữa sai lầm. Tuy nhiên, từ đó tới nay anh L không chịu sửa đổi nên chị L tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh L.

Theo nội dung biên bản xác minh của Tòa án, trong thời gian chung sống tại địa phương vợ chồng chị L và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương có đến hòa giải nhiều lần.

Quá trình tố tụng anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án. Việc anh L không tới Tòa và không có ý kiến coi như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 05/02/2018, anh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Trong đơn anh L đồng ý ly hôn với chị L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con Hoàng Hải A, sinh ngày 08/8/2000, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh L đã kéo dài, trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thị Lan A, sinh ngày 22/9/1997 và Hoàng Hải A, sinh ngày 08/8/2000.

Con Hoàng Thị Lan A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Hoàng Hải A anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hải A cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố, đồng thời chị L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Thanh L đối với bị đơn anh Hoàng Đức L về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị Thanh L được ly hôn với anh Hoàng Đức L.

- Về con chung: Giao con Hoàng Hải A, sinh ngày 08/8/2000 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0018216 ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường B, thị xã T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư

(đã ký)

